

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-ST

Ngày: 06/8/2020

“Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thảo.
2. Ông Nguyễn Hòa Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-DS ngày ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị K**, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 7, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị O**, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 6, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với phía bị đơn:* Ông **Nguyễn V**, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 6, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Ông V ủy quyền cho bà O tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 30/7/2020 tại Phòng công chứng nhà nước số 3 Gia Lai.

Bà O có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày:

Bà K có cho bà Lê Thị O và ông Nguyễn V vay tiền nhiều lần, số tiền chốt đến ngày 24/4/2018 là 150.000.000đ, bà K có đòi nhiều lần nhưng bà O và ông V vẫn không trả. Nay bà K yêu cầu Tòa án buộc bà O và ông V phải trả số tiền còn nợ là 150.000.000đ, bà K không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị O trình bày:

Bà O thừa nhận có vay tiền của bà K nhiều lần trong năm 2017 để làm ăn, sau khi trả nhiều lần số tiền còn lại bà O và ông V nợ bà K là 150.000.000đ nên ngày

24/4/2018 bà K có yêu cầu vợ chồng bà ký xác nhận lại giấy mượn tiền, trong đó ghi nợ gốc là 140.000.000đ và tiền lãi là 10.000.000đ bà và ông V có xác nhận trong giấy mượn tiền này. Nay vì điều kiện kinh tế khó khăn nên bà O chưa có điều kiện trả tiền ngay cho bà K được, bà O xin trả dần cho bà K hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ, tháng nào có bà O sẽ trả nhiều hơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với phía bị đơn ông Nguyễn V trình bày:

Ông V thừa nhận ông và bà O có vay tiền của bà K nhiều lần trong năm 2017 để làm ăn, đến nay sau khi trả nhiều lần số tiền bà O và ông V còn nợ bà K là 150.000.000đ. Nay vì điều kiện kinh tế khó khăn nên ông V và bà O chưa có điều kiện trả tiền ngay cho bà K được, ông V xin trả dần cho bà K hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ, tháng nào có ông V và bà O sẽ trả nhiều hơn.

Tại phiên tòa bà O khai từ khi vay năm 2017 đến nay bà đã trả cho bà K 68.000.000đ tiền lãi, bà yêu cầu Hội đồng xét xử tính lại lãi vay vì bà cho rằng lãi như vậy là quá cao. Bà xuất trình cho Tòa giấy ghi cộng tiền lãi của bà K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị O và ông Nguyễn V; cùng địa chỉ: Tổ 6, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. phải trả số tiền còn nợ từ hợp đồng vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Giao dịch vay tiền mà các bên xác lập vào năm 2017 và nội dung phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015, do vậy theo quy định điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là phù hợp.

[5] Về số tiền gốc còn nợ: Bà Lê Thị K yêu cầu bà Lê Thị O và ông Nguyễn V phải còn nợ là 140.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), điều này được bà O và ông V thừa nhận. Nên đây là điều không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS. Việc khởi kiện để đòi lại khoản tiền này của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về lãi suất và việc trả lãi: Theo hai bên đương sự khai trong hợp đồng vay hai bên có thỏa thuận về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu bà O, ông V phải trả cho bà 10.000.000đ tiền lãi còn nợ, điều này đã được ông V, bà O chấp nhận.

Bị đơn cho rằng lãi suất mà bị đơn đã trả cho các khoản vay cho nguyên đơn từ khi vay cho đến nay là 68.000.000đ là quá cao, yêu cầu hội đồng xét xử xem xét lại số tiền lãi đã trả.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 lãi suất các bên đương sự được thỏa thuận tối đa không được vượt quá 20%/năm.

Như vậy đối với từng khoản vay cụ thể tiền lãi tính đến nay như sau:

- Khoản vay 100.000.000đ thời điểm vay là ngày 12/5/2017 ÂL (tức ngày 06/6/2017 DL) đến nay 06/8/2020 là 3 năm 2 tháng, tiền lãi tính được là: $100.000.000đ \times 1,67\%/tháng \times 38 \text{ tháng} = 63.460.000đ$;

Khoản vay 30.000.000đ vay ngày 29/5/2017 ÂL (tức ngày 23/6/2017 DL) đến nay ngày 06/8/2020 là 3 năm 1 tháng 14 ngày; tiền lãi tính được là: $30.000.000đ \times 1,67\% \text{ tháng} \times 37 \text{ tháng} 14 \text{ ngày} = 18.770.800đ$;

Khoản vay 10.000.000đ vay ngày 22.6.2017 Â L (tức ngày 13/8/2017 DL) đến nay là 02năm 11 tháng 07 ngày; tiền lãi tính được là: $10.000.000đ \times 1,67\%/tháng \times 35 \text{ tháng} 07 \text{ ngày} = 5.883.266đ$;

Như vậy, tổng tiền lãi tối đa luật cho phép của 03 khoản vay trên đến nay là: $(63.460.000 + 18.770.800 + 5.883.266)đ = 88.114.066đ$;

Số tiền lãi mà bà O và ông V đã trả cho các khoản vay nêu trên tính đến nay là 68.000.000đ và phải trả thêm 10.000.000đ nữa như vậy là chưa vượt quá số tiền lãi tối đa mà khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự cho phép và cũng có lợi cho bị đơn. Nên không có cơ sở để trừ số tiền lãi vào số tiền gốc cho bà O và ông V như bà O yêu cầu.

[7] Về phương thức trả nợ: Bà O và ông V đồng ý trả số tiền gốc 140.000.000đ và khoản lãi 10.000.000đ theo cách trả dần hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ, tháng nào có tiền thì bà O và ông V trả nhiều hơn. Điều này không được bà K đồng ý nên Hội đồng xét xử không công nhận.

Nên cần buộc bà Lê Thị O và ông Nguyễn V phải liên đới trả cho bà Lê Thị K số tiền còn nợ là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn bà Lê Thị O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn V phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là $150.000.000 \times 5\% = 7.500.000đ$.

Nguyên đơn bà Lê Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 463, 466 và 470, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K.

Buộc bà Lê Thị O và ông Nguyễn V phải liên đới trả cho bà Lê Thị K số tiền còn nợ là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- *Về án phí*: Nguyên đơn bà Lê Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Lê Thị K tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004332 ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

Bị đơn bà Lê Thị O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn V phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (06/8/2020), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn